

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch bê tông hóa
đường giao thông nông thôn năm 2017, trên địa bàn tỉnh**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 45/2015/QĐ-UBND ngày 25/12/2015 của UBND tỉnh Bình Định về Ban hành Chương trình bê tông hóa giao thông nông thôn giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 1201/QĐ-UBND ngày 05/4/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch bê tông hóa giao thông nông thôn năm 2017, trên địa bàn tỉnh;

Xét đề nghị của Sở Giao thông vận tải tại Văn bản số 92/TTr-SGTVT ngày 26/7/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch triển khai xây dựng bê tông hóa giao thông nông thôn năm 2017 trên địa bàn tỉnh, với các nội dung chính sau:

TT	Loại đường	Chiều dài (Km)		Lượng XM hỗ trợ (Tấn)
		Theo Quyết định số 1201/QĐ-UBND ngày 05/4/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh	Điều chỉnh, bổ sung	
1	A	25,13	27,705	6.095,100
2	B	250,5	298,772	50.791,240
3	C	126,37	152,631	16.789,410
4	D	156,18	211,027	18.992,430
Tổng cộng		558,18	690,135	92.668,180

Trong đó, chi tiết từng loại đường như sau:



1. Đường GTNT loại A

TT	Địa phương	Theo QĐ số 1201/QĐ-UBND ngày 05/4/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh (Km)	Điều chỉnh, bổ sung (Km)	Lượng XM hỗ trợ (Tấn)	Ghi chú
1	Hoài Nhơn	1,922	1,972	433,840	Điều chỉnh tăng
2	An Lão	7,430	7,430	1.634,600	Giữ nguyên
3	Hoài Ân	9,498	9,178	2.019,160	Điều chỉnh giảm
4	Phù Mỹ	3,215	6,059	1.332,980	Điều chỉnh tăng
5	Phù Cát	0,642	0,643	141,460	Điều chỉnh tăng
6	Tây Sơn	0,830	0,830	182,600	Giữ nguyên
7	Vĩnh Thạnh	-	-	-	Giữ nguyên
8	An Nhơn	-	-	-	Giữ nguyên
9	Tuy Phước	1,226	1,226	269,720	Giữ nguyên
10	Vân Canh	0,080	0,080	17,600	Giữ nguyên
11	Quy Nhơn	0,287	0,287	63,140	Giữ nguyên
Tổng cộng		25,13	27,705	6.095,100	

2. Đường GTNT loại B

TT	Địa phương	Theo QĐ số 1201/QĐ-UBND ngày 05/4/2017 của CT UBND tỉnh (Km)	Điều chỉnh, bổ sung (Km)	Lượng XM hỗ trợ (Tấn)	Ghi chú
1	Hoài Nhơn	40,611	45,307	7.702,190	Điều chỉnh tăng
2	An Lão	10,227	11,807	2.007,190	Điều chỉnh tăng
3	Hoài Ân	7,125	12,130	2.062,100	Điều chỉnh giảm
4	Phù Mỹ	21,181	29,879	5.079,430	Điều chỉnh tăng
5	Phù Cát	34,069	43,341	7.367,970	Điều chỉnh tăng
6	Tây Sơn	30,96	35,216	5.986,720	Điều chỉnh tăng
7	Vĩnh Thạnh	13,798	21,829	3.710,930	Điều chỉnh tăng
8	An Nhơn	80,679	87,304	14.841,680	Điều chỉnh tăng
9	Tuy Phước	2,463	5,108	868,360	Điều chỉnh tăng
10	Vân Canh	7,755	5,215	886,550	Điều chỉnh giảm
11	Quy Nhơn	1,636	1,636	278,120	Giữ nguyên
Tổng cộng		250,50	298,772	50.791,240	

3. Đường GTNT loại C

TT	Địa phương	Theo QĐ số 1201/QĐ-UBND ngày 05/4/2017 của CT UBND tỉnh (Km)	Điều chỉnh, bổ sung (Km)	Lượng XM hỗ trợ (Tấn)	Ghi chú
1	Hoài Nhơn	16,065	16,703	1.837,330	Điều chỉnh tăng
2	An Lão	0,4	0,400	44,000	Giữ nguyên
3	Hoài Ân	9,987	9,076	998,360	Điều chỉnh giảm
4	Phù Mỹ	33,717	37,844	4.162,840	Điều chỉnh tăng
5	Phù Cát	21,347	31,445	3.458,950	Điều chỉnh tăng
6	Tây Sơn	23,86	25,231	2.775,410	Điều chỉnh tăng
7	Vĩnh Thạnh	-	-	-	Giữ nguyên
8	An Nhơn	11,203	11,928	1.312,080	Điều chỉnh tăng
9	Tuy Phước	8,987	19,203	2.112,330	Điều chỉnh tăng
10	Vân Canh	-	-	-	Giữ nguyên
11	Quy Nhơn	0,801	0,801	88,110	Giữ nguyên
Tổng cộng		126,37	152,631	16.789,410	

4. Đường GTNT loại D

TT	Địa phương	Theo QĐ số 1201/QĐ-UBND ngày 05/4/2017 của CT UBND tỉnh (Km)	Điều chỉnh, bổ sung (Km)	Lượng XM hỗ trợ (Tấn)	Ghi chú
1	Hoài Nhơn	24,309	26,493	2.384,370	Điều chỉnh tăng
2	An Lão	0,996	0,996	89,640	Giữ nguyên
3	Hoài Ân	19,02	26,069	2.346,210	Điều chỉnh tăng
4	Phù Mỹ	22,489	24,308	2.187,720	Điều chỉnh tăng
5	Phù Cát	23,407	31,912	2.872,080	Điều chỉnh tăng
6	Tây Sơn	38,689	45,467	4.092,030	Điều chỉnh tăng
7	Vĩnh Thạnh	-	-	-	Giữ nguyên
8	An Nhơn	10,409	11,138	1.002,420	Điều chỉnh tăng
9	Tuy Phước	16,562	43,873	3.948,570	Điều chỉnh tăng
10	Vân Canh	0,3	0,771	69,390	Điều chỉnh tăng
11	Quy Nhơn	-	-	-	Giữ nguyên
Tổng cộng		156,18	211,027	18.992,430	

(Chi tiết có Phụ lục kèm theo)

Điều 2. Quyết định này điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 1201/QĐ-UBND ngày 05/4/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giao thông vận tải, Xây dựng, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. / . *yl*

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Cty cổ phần BICEM;
- Các PVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K19.(M.30b) / *yl*



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

[Signature]
Phan Cao Thắng